

Số: 19/2025/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 674/2024/HNST ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1981; địa chỉ: D H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1977; nơi thường trú: D H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C chung cư A, KDC N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, Quyền số 01/2011, đăng ký ngày 26/03/2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 175, Quyền số: 01/2013 ngày 15/5/2013 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký khai sinh ngày 13/05/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh (Bản sao) số 317, Quyền số 02/2014, ngày 09/10/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký khai sinh ngày 09/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); cùng lời xác nhận của ông H và bà T, ông bà có 02 (hai) con chung, là trẻ Trần Minh K, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/05/2013 và trẻ Trần Anh K1, giới tính: Nam, sinh ngày 04/10/2014.

- Giao con chung là trẻ Trần Minh K, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/05/2013 cho ông Trần Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con chung là trẻ Trần Anh K1, giới tính: Nam, sinh ngày 04/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H và bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí sơ thẩm giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Ông Trần Minh H chịu tiền án phí là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036708 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho ông H 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thu).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong

